

QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**Đơn vị: 1.000 đồng*

Tên công trình		Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ ngày 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị thanh toán năm 2022			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ			75.082.232	6.040.604	19.436.549	25.427.172	-	25.130.422	296.750
I	Công trình chuyển tiếp		56.595.521	6.040.604	7.694.627	19.485.221	-	19.188.471	296.750
01	Xây dựng cầu Thanh Lương thôn Cự Lễ	2018	761.898		-	13.947		13.947	
02	Thâm nhựa đường từ Ngã ba Chát đốt - nghĩa trang liệt sỹ	2019	4.408.171		-	2.075.116		2.075.116	
03	Kè mái và gia cố đoạn lè từ cầu Ké đến cầu Ân	2018	544.792		-	39.856		39.856	
04	Bê tông GTNT Phụng Du 2 - tuyến từ nhà Chấn đến giáp xã Hoài Thanh tây	2019	258.676		-	124.671		124.671	
05	Mở rộng và nâng cấp bê tông tuyến từ trụ sở thôn Hội Phú (Nay là khu phố Hội Phú) đến Cầu Phú Sơn	2020-2022	3.550.876		1.501.408	1.498.075		1.498.075	
06	BTGT kết hợp với tràn phân lũ tuyến quốc lộ 1A đến nhà Nguyễn Ba - PD 2	2020-2021	229.312		-	177.470		177.470	
07	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường nội đồng xóm An Lương tuyến đường giáp Cụm công nghiệp đến đồng lúa bé, khu phố Phụng Du 1	2021	98.306		-	47.497		47.497	
08	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường nội đồng xóm Xuân Thạnh tuyến đường Gia Long đến đồng Rộc, khu phố Tấn Thạnh 2	2021	28.121		-	19.028		19.028	
09	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường nội đồng xóm Hòa Bình tuyến đường Ngô Phan Tám để ruộng ông Thiều, khu phố Cự Lễ	2021	60.343		-	40.817		40.817	

Tên công trình		Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ ngày 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị thanh toán năm 2022			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
10	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường nội đồng xóm Phụng Sơn tuyến đường giáp đường ray xe lửa đến cánh đồng mẫu lớn (Bàu trá), khu phố Phụng Du 2	2021	43.461		-	18.695		18.695	
11	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường nội đồng xóm Ninh Thạnh Bắc tuyến đường Gia Long đến cạnh bờm, khu phố Tân Thạnh 2	2021	28.886		-	19.386		19.386	
12	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường nội đồng xóm tiết Văn tuyến đường từ nhà Khanh đến ruộng ông Nguyễn Văn Thê, khu phố Cự Lễ	2021	36.383		-	24.662		24.662	
13	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường nội đồng xóm tiết Văn tuyến đường giáp đường bê tông đến giáp suối, khu phố Cự Lễ	2021	148.132		-	100.477		100.477	
14	Phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB xây dựng công trình Mở rộng tuyến đường DH 09B (đường Phụng Du - túy Sơn) đoạn qua địa bàn xã Hoài Hảo)	2020-2022	7.860.515	2.770.426	2.488.966	2.488.966		2.488.966	
15	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư do GPMB để XD dự án: Sửa chữa nâng cấp tuyến đường Ngọc An - Lương Thọ (Đoạn qua địa bàn phường Hoài Hảo)	2020-2022	10.905.028	3.270.178	2.039.599	2.039.599		2.039.599	
16	Hệ thống mương thoát nước khu dân cư xã Hoài Hảo 2019	2019	953.939		-	423.903		423.903	
17	Gia cố bờ chống sạt bờ lở do lũ lụt gây ra năm 2018, diêm trường Cây Bàng thôn Hội Phú	2019-2020	117.471		-	30.000		30.000	
18	BTKM tuyến cống chia nước trạm bơm gò Cốc đến đồng Sơn Cây	2020	408.611		-	100.617		100.617	
19	Tuyến kênh bờ lãng đất thô	2020	245.111		-	1.610		1.610	
20	Tuyến kênh mạch ông Bi	2017-20	2.657.171		-	17.569		17.569	

Tên công trình		Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ ngày 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị thanh toán năm 2022			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
21	BTKM tuyến từ nhà Lãm - Cầu Ké	2021	1.052.361		-	701.698		651.698	50.000
22	BTKM tuyến từ Ngõ Bạ - Bi Hải thôn Tấn Thạnh 2	2021	610.031		-	456.494		406.494	50.000
23	BTKM tuyến từ nhánh số 2 đến cầu	2021	309.446		-	98.746		49.246	49.500
24	BTKM tuyến từ nhà Bình đến đồng Thuận Hòa	2021	128.766		-	92.169		42.169	50.000
25	BTKM tuyến từ mương nhánh đập Dĩnh - giáp đường bê tông	2020-2021	258.921		-	191.354		191.354	
26	BTKM tuyến từ mương bà Lãm - cây Ké đến mương rộc Âm -mạch ông Bi	2021-2022	489.631		463.996	322.074		322.074	
27	BTKM tuyến từ nhà Thanh đến cống Hạt	2021	540.450		511.943	380.606		380.606	
28	BTKM tuyến từ nhà Chung đến đất ông Cần	2021	573.343		543.554	395.126		395.126	
29	Gia cố bờ suối thượng, hạ lưu tràn ruộng Phụng khu phố Hội Phú	2021	2.721.844		-	917.966		917.966	
30	Trường mầm non xã Hoài Hảo (HM: nhà lớp học 02 tầng, 08 phòng học)	2018-2019	6.108.560		-	260.304		260.304	
31	Trường mầm non Hoài hảo (HM: Nhà vệ sinh, nhà bếp, tường rào, sân nền)	2021	2.075.976		-	1.683.311		1.683.311	
32	Sửa chữa nhà làm việc ủy ban	2019-	1.680.231		-	1.380.756		1.380.756	
33	Sửa chữa hội trường, mái hiên, sân nền sau UBND phường	2021	425.780		-	397.718		397.718	
34	Xây dựng chợ cát Hoài Hảo	2019-2020	3.711.211		-	1.205.818		1.108.568	97.250
35	Di dời đường dây 22KV để GPMB xây dựng tuyến đường liên xã từ QL1A đoạn Km 1132+800 đến ĐT 639 qua địa bàn xã Hoài Hảo	2019	168.581		-	62.953		62.953	
36	Trồng cây xanh tuyến đường cơ khí cũ đi CCN Tam Quan	2019-2020	500.652		-	333.398		333.398	

Tên công trình		Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ ngày 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị thanh toán năm 2022			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
37	Nâng cấp MBXD khu dân cư cầu Cây Bàng thôn Tấn Thạnh 1(Nay là khu phố Tấn Thạnh 1) Hạng mục: San nền □	2021-2022	1.310.290		-	946.885		946.885	
38	Xây dựng công làng văn hóa khu phố Tấn Thạnh 2 và khu phố Phụng Du 2	2021-2022	152.573		145.161	138.764		138.764	
39	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Cơ khí cũ đến cụm CN Tam Quan	2021	354.184		-	151.160		151.160	
40	Đào hố rác thải sinh hoạt phường Hoài Hảo	2020	77.487		-	65.960		65.960	
II	Công trình khởi công mới		18.486.711	-	11.741.922	5.941.951	-	5.941.951	-
01	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến từ Ngã Ba Bình Minh đến cầu cây Bàng	2022	1.212.647		1.035.281	740.821		740.821	
02	Mua sắm, lắp đặt mới hệ thống đài truyền thanh phường năm 2021	2022	115.880		115.880	115.880		115.880	
03	Xây dựng Cầu Huân kết hợp kè chống sạt lở tràn ruộng phượng	2022	2.282.600		2.109.990	154.723		154.723	
04	Phụ lễ tuyến đường từ nhà Lê Thị Tiến đến cầu ông hoanh	2022	297.992		268.918	268.918		268.918	
05	Xây dựng hoa viên khu phố Phụng Du 2	2022	1.159.449		73.953	73.953		73.953	
06	Xây dựng hệ thống thoát nước và vỉa hè tuyến đường cơ khí cũ đến cụm công nghiệp Tam Quan	2022	9.366.813		5.288.914	2.689.221		2.689.221	
07	Lắp đặt hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại ngã 4 UBND phường	2022	770.228		697.819	153.871		153.871	
08	Xây dựng nhà Bia nghĩa trang liệt sĩ	2022	1.157.360		874.027	767.424		767.424	
09	Xây dựng khu di tích đốc Cát	2022	918.914		900.896	900.896		900.896	
10	Lắp đặt pano tuyên truyền và đèn hoa trang trí dọc các tuyến đường chính phường Hoài Hảo	2022	1.125.242		304.320	4.320		4.320	
11	Xây dựng khu dân cư năm 2022, hạng mục: GPMB, san lấp và cắm mốc phân lô	2022	79.586		71.924	71.924		71.924	